

Bản án số: 56/2018/DS-ST
Ngày 12-7-2018
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018, về “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Ngô Mỹ D, sinh năm 1967 (có mặt).

Ông Nguyễn Đồng K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TTA, xã Tạ AKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N có tham gia sáu dây hội do bà Ngô Mỹ D và ông Nguyễn Đồng K làm chủ đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất mở ngày 15/9/2016 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 120 chung, bà N tham gia 15 chung và đóng được 110 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này, bà D và ông K còn nợ bà lại 33.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai mở ngày 01/10/2016 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 110 chung, bà N tham gia 15 chung và đóng được 98 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này, bà D và ông K còn nợ bà lại 29.400.000 đồng.

Dây hội thứ ba mở ngày 25/10/2016 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 110 chung, bà N tham gia 10 chung và đóng được 74 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này, bà D và ông K còn nợ bà lại 14.800.000 đồng.

Dây hội thứ tư mở ngày 10/11/2016 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 110 chung, bà N tham gia 5 chung và đóng được 60 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này, bà D và ông K còn nợ bà lại 6.000.000 đồng.

Dây hội thứ năm mở ngày 25/11/2016 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 110 chung, bà N tham gia 5 chung và đóng được 45 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này bà D và ông K còn nợ bà lại 4.500.000 đồng.

Dây hội thứ sáu mở ngày 12/01/2017 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, gồm có 120 chung, bà N tham gia 10 chung và đóng được 9 lần, dây hội này đến nay đã mãn. Đối với dây hội này bà D và ông K còn nợ bà lại 1.800.000 đồng.

Tổng số nợ của sáu dây hội là 89.500.000 đồng, bà D và ông K đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 69.500.000 đồng.

Bà Ngô Mỹ D trình bày: Bà D thừa nhận lời trình bày của bà N là đúng, hiện tại bà D còn thiếu bà N số tiền 69.500.000 đồng và yêu cầu được giảm số tiền lãi. Bà D xác định đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến ông K nhưng bà D thừa nhận ông K có chở bà đi gom hội, sau khi tuyên bố bãi hội ông K chấp nhận trả nợ và đồng ý bán một phần đất đứng tên ông K để trả nợ và bà sử dụng số tiền hội để trang trải cuộc sống gia đình.

Tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa, bà N đồng ý giảm số tiền lãi 4.500.000 đồng cho bà D và ông K. Bà N yêu cầu bà D và ông K trả số tiền nợ hội 65.000.000 đồng và bà D đồng ý trả theo yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đồng K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông K là phù hợp.

[2] Bà Lê Thị N và bà Ngô Mỹ D thống nhất bà N có tham gia sáu dây hội mở ngày ngày 15/9/2016 al, ngày 01/10/2016 al, ngày 25/10/2016 al, ngày 10/11/2016 al, ngày 25/11/2016 al và ngày 12/01/2017 al, loại hội 20.000 đồng/ngày, do bà Ngô Mỹ D làm chủ đầu thảo. Tổng số nợ của sáu dây hội là 89.500.000 đồng, bà D và ông K đã trả được 20.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà D và ông K trả số tiền nợ hội 69.500.000 đồng. Tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa, bà N đồng ý giảm số tiền lãi 4.500.000 đồng và yêu cầu bà D, ông K trả số tiền nợ hội 65.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà N yêu cầu bà D, ông K trả số tiền nợ hội 65.000.000 đồng và bà D đồng ý trả theo yêu cầu của bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy sự

thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà D xác định số tiền nợ hui bà N là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến ông K. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và bà D đều thống nhất ông K có biết bà Diện làm chủ đầu thảo đối với các dây hui bà N tham gia, bà D thừa nhận sử dụng số tiền hui để trang trải cuộc sống gia đình. Sau khi tuyên bố đình hui, ông K và bà D thống nhất cùng có trách nhiệm trả nợ và ông K đã đồng ý bán một phần đất do ông đứng tên để trả nợ, Trong thời gian bà D làm chủ hui bà D và ông K vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của bà D và ông K nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà D và ông K trả cho bà N số tiền nợ hui 65.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D và ông K có đơn xin giảm án phí có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên được giảm 50% án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Ngô Mỹ D và ông Nguyễn Đồng K trả cho bà N số tiền nợ hui 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Mỹ D và ông Nguyễn Đồng K phải chịu 1.625.000 đồng (chưa nộp). Bà Lê Thị N không phải chịu, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.737.500 đồng tại biên lai thu số 0009705 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị N và bà Ngô Mỹ D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đồng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng